**Phụ lục I
Danh sách thông báo dự thảo các quy định về SPS của các nước thành viên tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 01/3-31/3/2020**

*(đính kèm theo Công văn số:            /SPS-BNNVN,  ngày      tháng 4 năm 2020)*

1. **Danh sách thông báo dự thảo qui định về SPS của các nước thành viên WTO**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã WTO | Quốc gia thông báo | Ngày thông báo | Tiêu đề |
| 1  | G/SPS/N/AUS/495 | Úc | 02/3/2020  | Dự thảo điều kiện nhập khẩu tạm thời đối với tôm chưa qua nấu chín, bao gồm:* Đề xuất điều kiện nhập khẩu tạm thời đối với tôm chưa nấu chín dùng làm thực phẩm cho con người;
* Yêu cầu an toàn sinh học đối với tôm và các sản phẩm của tôm nhập khẩu dùng làm thực phẩm cho con người;
* Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe đối với tôm và thịt tôm làm thực phẩm cho con người.
 |
| 2  | G/SPS/N/KAZ/64  | Kazakhstan  | 02/3/2020  | Thông báo về biện pháp khẩn cấp tới tỉnh Quảng Ninh về lệnh cấm nhập khẩu và quá cảnh qua lãnh thổ Kazakhstan các đối tượng chim sống, trứng ấp và tất cả các sản phẩm gia cầm kể từ ngày 07/02/2020  |
| 3  | G/SPS/N/USA/3156  | Hoa Kỳ  | 04/3/2020  | Quy định thiết lập mức dư lượng tồn dư thuốc trừ sâu chlorfenapyr trong sản phẩm nông nghiệp như sau:* Rau húng, lá húng tươi: 80 ppm
* Hẹ, lá hẹ tươi: 20 ppm
* Dưa chuột: 0.25 ppm
* Rau, quả và phân nhóm 10-8: 20ppm
 |
| 4  | G/SPS/N/USA/3155  | Hoa Kỳ  | 04/3/2020  | Quy định thiết lập mức dư lượng tồn dư thuốc trừ sâu chlorfenapyr trong nhiều loại hàng hóa trong đó:Gạo: 0.5 ppm. |
| 5  | G/SPS/N/USA/3154  | Hoa Kỳ  | 04/3/2020  | Quy định thiết lập tồn dư với đăng ký khu vực đối với dư lượng prohexadione calcium trong hoặc trên cỏ linh lăng, ngô, ngũ cốc và thân cây làm thức ăn gia súc. |
| 6  | G/SPS/N/USA/3152  | Hoa Kỳ  | 04/3/2020  | Quy định thiết lập dư lượng tồn dư thuốc trừ sâu difenoconazole trong nhiều mặt hàng, trong đó đáng chú ý như sau:* Chè xấy khô: 15 ppm
* Rau, củ và thân cây nhóm 2: 8 ppm
* Rau, rễ cây phân nhóm 1A (trừ sâm): 0.6 ppm
 |
| 7  | G/SPS/N/USA/3151  | Hoa Kỳ  | 04/3/2020  | Quy định thiết lập dư lượng tồn dư acetamiprid trong hoặc trên nhiều mặt hàng. |
| 8  | G/SPS/N/KOR/678  | Hàn Quốc  | 04/3/2020  | Dự thảo sửa đổi tiêu chuẩn và chi tiết đối với đồ dùng, đồ dựng và đóng gói thực phẩm. |
| 9  | G/SPS/N/EU/372  | Liên minh Châu Âu  | 05/3/2020  | Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) số 10/2011 về vật liệu nhựa và vật phẩm tương tác tiếp xúc với thực phẩm. |
| 10  | G/SPS/N/AUS/495/Corr.1  | Úc | 05/3/2020  | Sửa đổi đường liên kết file mẫu giấy chứng nhận sức khỏe đối với tôm và thịt tôm chưa nấu chín làm thực phẩm cho con người. |
| 11  | G/SPS/N/USA/3157  | Hoa Kỳ  | 09/3/2020  | Thông báo về việc Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ nhận kiến nghị thiết lập dư lượng hóa chất indoxacarb trong hoặc trên một số mặt hàng bỏng ngô. |
| 12  | G/SPS/N/SGP/63  | Singapore  | 09/3/2020  | Thông báo đề xuất cấm nhập khẩu và sử dụng dầu hydro hóa một phần như thành phần trong chất béo, dầu và thực phẩm đóng gói sẵn được bán tại Singapore từ tháng 6 năm 2021. |
| 13  | G/SPS/N/NZL/621  | Niu Di-lân | 09/3/2020  | Sửa đổi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu đối với hạt giống để gieo trồng và cành ươm |
| 14  | G/SPS/N/EU/373  | Liên minh Châu Âu  | 09/3/2020  | EU không gia hạn phê chuẩn hoạt chất fenamiphos, các nước thành viên EU sẽ rút sự cho phép các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất này |
| 15  | G/SPS/N/KOR/212/Add.14  | Hàn Quốc  | 11/3/2020  | Sửa đổi bổ sung 36 loài sâu dịch hại cần kiểm dịch |
| 16  | G/SPS/N/USA/3057/Add.1  | Hoa Kỳ  | 12/3/2020  | Thông báo việc thông qua đánh giá và nhận dạng trạng thái sức khỏe động vật |
| 17  | G/SPS/N/MMR/1  | Mi-an-ma  | 12/3/2020  | Dự thảo Luật kiểm dịch sâu bệnh hại thực vật |
| 18  | G/SPS/N/JPN/728  | Nhật Bản  | 16/3/2020  | Thiết lập các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sản xuất, lưu trữ, thùng chứa và bao bì sữa trâu |
| 19  | G/SPS/N/CAN/1301  | Canada  | 16/3/2020  | Dự thảo dư lượng tối đa hóa chất mefentrifluconazole trong nhiều loại hàng hóa |
| 20  | G/SPS/N/USA/3158  | Hoa Kỳ  | 17/3/2020  | Thông báo về việc Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ nhận kiến nghị thiết lập dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong nhiều loại hàng hóa |
| 21  | G/SPS/N/UKR/145  | Ucraina  | 17/3/2020  | Dự thảo phê duyệt thủ tục và các yêu cầu đặc biệt cho ghi nhãn và danh sách thực phẩm mà việc chỉ dẫn quốc gia xuất xứ hoặc nơi xuất xứ là bắt buộc ". |
| 22  | G/SPS/N/USA/3161  | Hoa Kỳ  | 18/3/2020  | Dự thảo qui định thiết lập dư lượng tồn dư chất penoxsulam trên atisô ở mức 0.01 ppm |
| 23  | G/SPS/N/USA/3160  | Hoa Kỳ  | 18/3/2020  | Dự thảo qui định thiết lập dư lượng tồn dư chất trifloxystrobin trên đậu Hà Lan, hạt và vỏ khô (trừ đỗ tương phân nhóm 6c) ở mức 0.06 ppm |
| 24  | G/SPS/N/UKR/146  | Ucraina  | 18/3/2020  | Dự thảo phê chuẩn chỉ số an toàn thực phẩm “mức dư lượng tối đa các hoạt chất chế phẩm thuốc thú y trong thực phẩm có nguồn gốc động vật” |
| 25  | G/SPS/N/KGZ/12  | Kyrgyzstan  | 18/3/2020  | Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo sửa đổi Quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan ngày 18 tháng 6 năm 2010 số 318 về đối tượng hàng hóa phải kiểm dịch. |
| 26  | G/SPS/N/CAN/1302  | Canada  | 18/3/2020  | Bổ sung mã HS đối với cây kim ngân (tươi hoặc ướp lạnh) vào hệ thống tham chiếu nhập khẩu tự động (AIRS), Việc nhập khẩu sẽ không được phê duyệt trong thời gian chờ phân tích rủi ro dịch hại. Qui định này áp dụng đối với tất cả các quốc gia (trừ Hoa Kỳ) |
| 27  | G/SPS/N/THA/302  | Thái Lan  | 19/3/2020  | Tạm ngưng nhập khẩu lợn sống bao gồm cả lợn hang dã và các sản phẩm của lợn từ Việt Nam để tránh việc lây lan dịch tả lợn Châu Phi. |
| 28  | G/SPS/N/EU/378  | Liên minh Châu Âu  | 20/3/2020  | Quy định của Ủy ban (EU) 2020/356 ngày 4 tháng 3 năm 2020 sửa đổi Phụ lục II thành Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến việc sử dụng polysorbates (E 432-436) trong đồ uống có ga |
| 29  | G/SPS/N/EU/377  | Liên minh Châu Âu  | 20/3/2020  | Quy định của Ủy ban (EU) 2020/355 ngày 26 tháng 2 năm 2020 sửa đổi Phụ lục II thành Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến việc sử dụng polyglycerol polyricinoleate (E 476) trong nhũ tương dầu thực vật |
| 30  | G/SPS/N/EU/376  | Liên minh Châu Âu  | 20/3/2020  | Quy định của Ủy ban (EU) 2020/268 ngày 26 tháng 2 năm 2020 sửa đổi Phụ lục III thành Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến việc sử dụng axit sorbic (E 200) trong các chế phẩm màu vỏ trứng |
| 31  | G/SPS/N/BRA/1630  | Bra-xin  | 20/3/2020  | Dự thảo nghị quyết số 783 ngày 19 tháng 2 năm 2020 về giới hạn tối đa hoạt chất P54 – proexadiona cálcica trong nhiều sản phẩm trong đó có qui định đối với hạt điều, quả hồng, quả khế, vả, ổi là 0,01 mg / kg và thời gian an toàn trong 15 ngày; |
| 32  | G/SPS/N/EU/379  | Liên minh Châu Âu  | 23/3/2020  | Dự thảo sửa đổi phụ lục II và II của Qui định EC số 396/2005 về mức dư lượng tối đa hóa chất bupirimate, carfentrazone-ethyl, emamectin, ethirimol và pyriofenone trong nhiều loại sản phẩm hàng hóa.  |
| 33  | G/SPS/N/CAN/1303  | Canada  | 23/3/2020  | Thay đổi danh sách các chất tạo màu được phép sử dụng, bao gồm việc chiết xuất lycopene từ cà chua |
| 34  | G/SPS/N/TPKM/522  | Đài Loan  | 24/3/2020  | Hàng hóa nhập khẩu dùng cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ, hộp đựng và bao bì thực phẩm được phân loại theo 4 mã CCC tuân theo quy định về kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm liên quan. Nhà nhập khẩu phải nộp đơn kiểm tra cho Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi |
| 35  | G/SPS/N/CHE/83  | Thụy Sỹ  | 24/3/2020  | Sửa đổi Pháp lệnh về bảo vệ thực vật chống lại các sinh vật gây hại đặc biệt nguy hiểm |
| 36  | G/SPS/N/USA/3162  | Hoa Kỳ  | 25/3/2020  | Dự thảo dư lượng tồn dư chất cyazofamidtrong nhiều loại hàng hóa |
| 37  | G/SPS/N/TPKM/524  | Đài Loan  | 25/3/2020  | Dự thảo tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm về mức dư lượng tối đa đối với các chất gây ô nhiễm bao gồm kim loại nặng và độc tố trong thực phẩm |
| 38  | G/SPS/N/TPKM/523  | Đài Loan  | 25/3/2020  | Sửa đổi đoạn 10, phần B của “yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với thực vật và sản phẩm thực vật” |
| 39  | G/SPS/N/MYS/45  | Malaysia  | 31/3/2020  | Sửa đổi bảng liệt kê thứ 16 trong Quy định thực phẩm 1985 như sau:- Bổ sung 12 giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của 6 loại thuốc trừ sâu mới (cyantraniliprole, epoxiconazole, fluxaccoroxad, flubendiamide, trifloxystrobin và sulfoxaflor).- Bổ sung 3 giới hạn dư lượng tối đa mới của hàng hóa mới vào 3 loại thuốc trừ sâu hiện có (fipronil, fosetyl-aluminium và imidacloprid). |
| 40  | G/SPS/N/MYS/44  | Malaysia  | 31/3/2020  | Sửa đổi Qui định Thực phẩm 1985, xác định tỉ lệ tối đa cho phép giải phóng chì và cardmium đổi với đồ nấu ăn bằng gốm |
| 41  | G/SPS/N/JPN/739  | Nhật Bản  | 31/3/2020  | Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa thuốc thú y xylazine trong một số sản phẩm từ động vật |
| 42  | G/SPS/N/JPN/738  | Nhật Bản  | 31/3/2020  | Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa hóa chất nông nghiệp pyroxasulfone trong một số sản phẩm rau, quả  |
| 43  | G/SPS/N/JPN/737  | Nhật Bản  | 31/3/2020  | Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu pyridalyl trong một số sản phẩm rau, quả và cá |
| 44  | G/SPS/N/JPN/736  | Nhật Bản  | 31/3/2020  | Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu prothioconazole trong một số sản phẩm thực phẩm như rau quả và một số sản phẩm từ động vật |
| 45  | G/SPS/N/JPN/735  | Nhật Bản  | 31/3/2020  | Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu picarbutrazox trong một số sản phẩm thực phẩm như gạo lứt và rau quả  |
| 46  | G/SPS/N/JPN/734  | Nhật Bản  | 31/3/2020  | Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu penthiopyrad trong một số sản phẩm thực phẩm như rau quả và một số sản phẩm từ động vật |
| 47  | G/SPS/N/JPN/733  | Nhật Bản  | 31/3/2020  | Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu ametoctradin trong một số sản phẩm thực phẩm như hạt tiêu khô, gia vị, rau quả và một số sản phẩm từ động vật |

1. **Danh sách các qui định về SPS của các nước thành viên WTO có hiệu lực.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã WTO | Quốc gia thông báo | Ngày thông báo | Tiêu đề |
| 1  | G/SPS/N/CAN/1295/Add.1  | Canada  | 04/3/2020  | Chính thức có hiệu lực đối với qui định mức dư lượng tối đa chất pyroxasulfone. |
| 2  | G/SPS/N/CAN/1294/Add.1  | Canada  | 04/3/2020  | Chính thức có hiệu lực đối với qui định mức dư lượng tối đa chất fludioxonil. |
| 3  | G/SPS/N/CAN/1293/Add.1  | Canada  | 04/3/2020  | Chính thức có hiệu lực đối với qui định mức dư lượng tối đa chất cyprodinil  |
| 4  | G/SPS/N/AUS/433/Add.3  | Úc | 05/3/2020  | Quốc hội Úcthông qua gói dự luật kiểm soát xuất khẩu năm 2019dự luật  |
| 5  | G/SPS/N/THA/251/Add.1  | Thái Lan  | 20/3/2020  | Thông báo có hiệu lực đối với tiêu chuẩn nông nghiệp Thái Lan “thực hành nông nghiệp tốt cho nông trại nuôi gia cầm đẻ trứng” |
| 6  | G/SPS/N/CAN/1288/Add.1  | Canada  | 20/3/2020  | Thông báo có hiệu lực qui định giới hạn dư lượng tối đa hóa chất dimethomorph trong lá rau diếp |
| 7  | G/SPS/N/CAN/1289/Add.1  | Canada  | 23/3/2020  | Thông báo có hiệu lực việc áp dụng mức dư lượng tối đa chất chlorfenapyr trong dưa chuột là 0.5 ppm |
| 8  | G/SPS/N/TPKM/505/Add.1  | Đài Loan  | 24/3/2020  | Thông báo có hiệu lực “Qui định về quản lý phí kiểm dịch động thực vật” |
| 9  | G/SPS/N/CAN/1292/Add.1  | Canada  | 24/3/2020  | Thông báo có hiệu lực việc áp dụng mức dư lượng tối đa chất prometryn đối với:* Mùi tây khô: 15 ppm
* Mùi tây tươi: 3 ppm
 |
| 10  | G/SPS/N/JPN/687/Add.1  | Nhật Bản  | 31/3/2020  | Thông báo có hiệu lực việc áp dụng thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn thực phẩm đối với chất phụ gia thực phẩm isomaltodextranase  |

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ: http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien hoặc tham khảo trên: https://docs.wto.org